

## NẠN ĐÓI NĂM ẤT DẬU (1945)

1. Cuối thập niên 1930, Nhật có ý định đặt ra một "Trật-tự Mới" ở Á-châu và trong trật tự này sẽ không có chỗ cho các cường quốc Âu Tây. Đầu năm 1940, Hoa-Kỳ chấm dứt hiệp ước thương mại với Nhật. Giữa năm 1940, Hoa-Kỳ hạn chế việc bán các nguyên liệu nhu yếu cho Nhật. Do đó, Nhật có ý định chiếm và sử dụng toàn thể Đông-Á và Đông-nam-Á để phục vụ cho nhu cầu của Nhật.

Mùa thu năm 1940, Nhật tấn công và chiếm Lạng-Son vì muốn ngăn chặn mọi viện trợ của Đồng-minh qua ngã Hải-Phòng-Vân-Nam và cô lập Trung-Hoa. Mùa xuân năm 1941, Nhật mở thêm các căn cứ quân sự ở Nam-kỳ đòi "ưu đãi kinh tế" để chuẩn bị xâm chiếm Nam-Dương, thuộc địa của Hòa-Lan. Nhật đòi hỏi chính phủ thuộc địa Đông-Dương phải cung cấp gạo cho quân đội Nhật đóng ở Đông-Dương.

Cùng với việc cung cấp gạo, các ruộng trong vùng châu thổ trồng lúa và hoa màu như ngô, khoai bị phá đi để trồng những mặt hàng chiến lược của Nhật như đay, gai, bông, lạc, thầu dầu, ...

Dân quê ở Bắc-kỳ và bắc Trung-kỳ thường trồng thêm hoa màu để có đủ thức ăn nuôi sống họ từ mùa gặt này sang mùa gặt khác. Họ vừa ăn cơm, vừa độn thêm ngô, khoai.

2. Từ năm 1943, máy bay Đồng-minh, thường là Hoa-kỳ, bắt đầu oanh tạc các cứ điểm của Nhật và gia tăng oanh tạc trong năm 1944 khiến cho mọi sự vận chuyển giao thông từ Nam ra Bắc bị cắt đứt. Nhiều quãng đường xe lửa bị dội bom, xe cộ phải vận chuyển ban đêm, tàu đậu ở thương cảng bị dội bom. Thóc lúa ở Nam-kỳ không đem được ra Bắc, trong khi than đá ở Bắc-kỳ không vào được trong Nam khiến cho nhiều công ti công nghiệp ở Nam-kỳ đã dùng thóc làm nhiên liệu để đốt.

3. Vụ mùa năm 1944 bị mất, thu hoạch rất kém vì hạn hán và sâu bọ. Tháng 8 và 9 năm 1944, nạn lụt rất lớn, ngập đến mái tranh, đồng ruộng hoa màu bị ngập lụt hết. Cuối năm 1944, thời tiết bỗng nhiên trở lạnh bất thường khiến cho việc trồng trọt gặp trở ngại.

4. Từ vụ lúa mùa tháng 10 năm 1943 đến vụ lúa mùa năm 1944, chính phủ thuộc địa ra lệnh mua một số thóc khá lớn để dự trữ phòng hờ trường hợp quân đội Đồng-minh đổ bộ.

Trong năm 1944, vì chiến cuộc leo thang, Nhật đòi nhiều gạo hơn để tích trữ. Chính phủ Bắc-kỳ ấn định giá bán gạo và hạn chế việc chuyên chở thóc gạo từ tỉnh này sang tỉnh khác. Đòi sống đắt đỏ, giá thóc gạo và nhu yếu phẩm lên vùn vụt vì khan hiếm.

Dân quê bị nạn lý dịch những lạm. Các lý dịch thường thu nhiều nộp ít, lấy chỗ thóc thừa đem ra tỉnh bán giá chợ đen.

5. Dân quê phải dùng đến thóc dự trữ để ăn. Khi hết thóc thì bán đồ đạc trong nhà với giá rất rẻ. Người có thóc đem thóc bán để mua đồ đạc rẻ, đến khi chính họ hết thóc để ăn bán đồ đạc

không ai mua. Những ngày mùa đông đầu năm 1945, trong cái rét lạnh buốt giá từng đoàn dân quê lũ lượt đổ về thị xã của các tỉnh và thành phố lớn. Có không ít người, đang đi bỗng nhiên ngã lăn xuống đường. Họ ngã đi vì đói. Họ đói từ bao nhiêu tuần, bao nhiêu ngày rồi. Họ muốn lên Hà-Nội tìm việc, nhưng chết trước khi có việc làm và cũng không có sức mà làm. Họ đi bới những thức ăn dư thừa vớt ở chợ, rồi lăn ra chết nơi đầu đường xó chợ.

6. Nạn đói bắt đầu từ cuối tháng 10 âm lịch năm Giáp-Thân (1944). Nạn đói trầm trọng nhất trong ba tháng đầu năm Ất-Dậu (1945) và kéo dài đến vụ gặt tháng 5 năm 1945. Ngày Tết đáng lẽ là ngày vui nhất đối với dân quê, vậy mà vào những ngày Tết Ất-Dậu, trong các làng vắng vắng tiếng khóc than. Người sống không có cơm ăn. Người chết không kèn không trống. Xóm làng xơ xác. Chợ búa vắng hoe. Không còn gì để bán cũng như không còn gì để đào hay vật nữa. Theo sau nạn chết vì đói là nạn chết vì dịch tả.

7. Ở các làng, những người tránh được nạn đói là những nhà giàu có, có nhiều ruộng và nhiều thóc dự trữ. Các lý dịch trong làng không bị đói vì họ là những người đi thu thóc của dân. Họ có thể thu nhiều mà đưa ít về cho chính phủ. Mỗi lần có dịp phát chẩn gạo cho dân quê thì họ ăn chặn trước để chia cho gia đình, người quen, và có khi lấy gạo bán chợ đen. Nhiều làng có phát chẩn gạo, cơm nắm hay cháo, nhưng số lượng phát chẩn ít, không đủ nhu cầu.

Công chức, binh lính và dân thành thị ở Hà-Nội, Hải-Phòng được cấp phiếu mua gạo, tuy không đủ ăn nhưng không đến nỗi chết đói như dân quê.

Những gia đình làm nghề hàng sáo không bị chết đói. Họ nhận lúa của thương gia đem về xay giã rồi cho gạo vào bao. Nhờ ăn hạt tấm mà họ sống sót, qua được nạn đói. Những người có nghề phụ như buôn bán, thợ nề, thợ mộc, đánh cá hoặc lên rừng kiếm củi, đi săn, có thể qua được nạn đói.

Ở những vùng có đông dân theo đạo Thiên-chúa, những người có đạo được nhà chung giúp đỡ, chia gạo nên số người chết ít. Có người theo đạo để được giúp gạo.

8. Ở Hà-Nội, tháng Ba năm 1945, học giả Nguyễn Văn Tố xin phép chính phủ lập Tổng-hội Cứu-tế. Tổng-hội Cứu-tế đặt ra Đoàn Khất-thực đi quyên góp gạo của thị dân đem về trại Giáp-bát. Đây là trại đầu tiên của Tổng-hội để chứa những dân quê đi xin ăn ở Hà-Nội. Những người ăn xin được phát cơm hay cháo mỗi ngày để sống sót qua nạn đói.

Dân Hà-Nội sốt sắng đóng góp. Một vài nữ sinh ủng hộ chiếu nằm, cho tiền mua tông-đơ cắt tóc. Tháng Tư năm 1945, mỗi ngày Hội thu được hai tấn cơm. Tháng Năm năm 1945, Tổng-hội Cứu-tế quyên được gần 800000 đồng bạc, có thể dùng để mua khoảng 1500 tấn gạo. Dân Nam-kỳ ủng hộ số tiền một triệu rưỡi đồng để giúp đồng bào bị đói.

Hội Hợp-thiện ở Hà-Nội gồm những người tình nguyện lo việc chôn các xác chết trong thành phố. Hội quyên được những thức cần dùng như chiếu, thùng, vôi bột.

9. Trong khi nạn đói ở cao điểm, quân Nhật đảo chính Pháp vào tháng 3 năm 1945. Mọi binh lính, quân nhân và công chức Pháp bị giam cầm. Chính phủ Trần Trọng Kim được thành lập

vào tháng 4 năm 1945. Việc cứu trợ dân Bắc-kỳ và bắc Trung-kỳ được giao cho hai bộ là bộ Tiếp-tế và bộ Y-tế Cứu-tế.

Chính phủ Trần Trọng Kim bỏ lệnh bắt buộc nhà nông bán lúa gạo cho chính phủ. Người dân được tự do buôn bán và vận chuyển gạo dưới 50kg mà không cần xin phép chính phủ. Chính phủ cho lập ty "Liên-phóng kinh-tế" để kiểm soát giá gạo, tránh những vụ đầu cơ hay buôn gạo lậu. Với sắc chỉ ngày 23 tháng 5 năm 1945 do vua Bảo-đại ký, chính phủ hủy bỏ những món nợ mà các tiểu nông vay của chính phủ khi trước. Chính phủ đánh thuế du-hí như ăn chơi, giải trí, để có tiền tài trợ công cuộc cứu đói.

Chính phủ phái đại biểu vào trong Nam để lo việc chở gạo ra Bắc. Đường xe lửa và các cầu bị máy bay Đồng-minh thả bom, phá hủy rất nhiều. Nhiều tàu biển bị đánh đắm nên việc thuê mướn tàu rất khó khăn. Nhiều thuyền chở gạo hoặc bị hư hỏng trên đường ra Bắc, hoặc bị dân chúng hay Việt-minh giữ lại. Thủ-tướng Trần Trọng Kim phải điều đình với quân đội Nhật cho mượn một số thóc dự trữ phân phát cho đồng bào bị đói.

#### 10. Tuyên ngôn độc lập của vua Bảo Đại -

Tối ngày 9 tháng Ba năm 1945, vua Bảo Đại và hoàng-hậu Nam Phương từ Quảng-Trị đi săn về và bị lính Nhật chặn lại và giữ trong thời gian đảo chính. Sau hai tiếng, vua và hoàng-hậu mới được trở về hoàng cung. Sáng hôm sau, tối-cao cố-vấn Nhật, Yokoyama, cho nhà vua biết về vụ đảo chính Pháp và mong là vua sẽ hợp tác với họ để đạt mục tiêu "trả Á-châu cho người châu Á". Do đó, nước Việt sẽ được Nhật trao trả nền độc-lập. Để tránh tình trạng suy sụp của nền hành chánh thuộc địa, giới lãnh đạo Nhật thúc giục vua Bảo Đại lập chính phủ mới.

Không bỏ qua cơ hội này, Hoàng-đế Bảo Đại tuyên bố Việt-Nam độc lập ngày 11 tháng Ba năm 1945 bằng tờ chiếu tuyên ngôn sau đây:

"Chiếu tình hình thế giới nói chung và tình hình Á-châu nói riêng, chính phủ Việt-Nam long trọng công khai tuyên bố, kể từ ngày hôm nay hiệp ước bảo hộ ký với nước Pháp được bãi bỏ, và đất nước thu hồi chủ quyền độc lập quốc gia.

Nước Việt-nam cố gắng tự lực, tự cường, để xứng đáng là một quốc gia độc lập, và sẽ theo đường hướng của bản Tuyên ngôn chung của khối Đại-Đông-Á, hầu giúp đỡ nhau tài nguyên cho nền thịnh vượng chung.

Vì vậy, chính phủ nước Việt-Nam đã đặt tin tưởng vào sự thành tín của nước Nhật, và đã có quyết định cộng tác với nước này, hầu đạt mục đích nói trên.

"Khâm thử

Huế, ngày 27 tháng Giêng, năm thứ 20 triều Bảo Đại (tức ngày 11 tháng Ba năm 1945)"  
(*Con Rồng Việt Nam*, Bảo Đại, 1990)

11. Ngày 17 tháng Ba, vua Bảo Đại tuyên chiếu, từ nay vua đích thân cầm quyền và sẽ chinh đốn lại quốc-gia. Sau đó, các thượng-thư tự nguyện từ chức để vua thành lập chính phủ mới. Vua đã có ý định mời ông Diệm lập chính phủ, nhưng không tìm được tung tích ông. Đến ngày 17 tháng Tư, vua Bảo Đại ủy học giả Trần Trọng Kim, được tiếng là người quốc gia, lập "chính phủ đầu tiên của nước Việt-Nam độc lập", cử tổng-đốc Phan Kế Toại làm khâm-sai Bắc-

bộ, chính khách Nguyễn Văn Sâm làm khâm-sai Nam-bộ, và bác-sĩ Trần Văn Lai làm đốc-ly Hà-Nội. (Đoàn Thêm, 1945-1964 )

## 12. Thành lập chính phủ -

Khi gặp học giả Trần Trọng Kim, vua Bảo Đại nói:

- Trước kia người mình chưa độc lập. Nay có cơ hội, tuy chưa phải độc lập hẳn, nhưng mình cũng phải tỏ ra có đủ tư cách để độc lập. Nếu không có chính phủ thì người Nhật bảo mình bất lực, tất họ lập cách cai trị theo thể lệ nhà binh rất hại cho nước ta. Vậy ông nên vì nghĩa vụ cố lập thành một chính phủ để lo việc nước.

Học giả họ Trần nhận thấy vua Bảo Đại là người hiểu biết thời thế nên tâu rằng:

- Nếu vì quyền lợi riêng tôi không dám nhận chức gì cả, xong Ngài nói vì nghĩa vụ đối với nước, thì dù sao tôi cũng cố hết sức. Vậy xin Ngài cho tôi vài ngày để tôi tìm người, hễ có thể được tôi xin tâu lại.

Lúc ấy học giả họ Trần gặp lại ông Hoàng Xuân Hãn, một người quen biết đã lâu cũng có mặt ở Huế. Học giả họ Trần bàn với ông Hãn chọn người làm bộ-trưởng với nguyên tắc như sau: người được chọn "phải có đủ học thức và tư tưởng về mặt chính trị" và "phải có đức hạnh chắc chắn để dân chúng kính phục."

Học giả họ Trần cho biết thêm là trong khi ông chọn người thành lập chính phủ, người Nhật không bao giờ ảnh hưởng đến quyết định của ông. "Tôi được hoàn toàn tự chủ tìm lấy người làm việc. Và tôi đã định từ trước rằng nếu người Nhật can thiệp vào việc trong nước thì tôi thôi ngay, không làm nữa". (*Một Con Gió Bụi*, 1949)

## 13. Quốc kỳ và quốc ca

Chính phủ Trần Trọng Kim muốn chọn quốc kỳ và quốc ca để biểu hiệu cho nước Việt-Nam mới độc lập. Nội-các tổng-trưởng họ Trần giải thích việc chọn quốc ca và quốc kỳ như sau:

"Nước Việt-Nam đã là một nước tự chủ, thì phải có quốc kỳ và quốc ca. Bài quốc ca thì từ trước vẫn dùng bài "*Dăng Đàn*" là bài ca rất cổ, mà âm điệu nghe nghiêm trang....)

"Còn lá quốc kỳ, mỗi người bàn một cách, chúng tôi định đem hỏi mọi người trong nước và ai có ý kiến gì, thì vẽ kiểu gửi về. Có kiểu lá cờ vàng có quẻ ly ở giữa là có ý nghĩa hơn cả. Chúng tôi định lấy kiểu ấy làm quốc kỳ.

"Lá cờ vàng là từ xưa nước ta vẫn dùng. Trong sách "*Quốc Sử Diễn Ca*" nói khi bà Triệu Âu nổi lên đánh quân Tàu, đã dùng lá cờ ấy khởi nghĩa, nên có câu rằng "Đầu voi phát ngọn cờ vàng". Vậy lấy sắc cờ vàng là hợp với cái ý cách mệnh của tổ-quốc, lấy dấu hiệu quẻ ly là vì trong lối chữ tối cổ của ta có tám chữ viết bằng vạch liền (dương) và những vạch đứt (âm) để chỉ tám quẻ, chỉ bốn phương chính và bốn phương bàng, nói ở trong kinh dịch, mà quẻ LY chủ phương Nam. Chữ LY còn có nghĩa là lửa là văn minh là ánh sáng phóng ra bốn phương.

"Lấy sắc vàng là hợp với lịch sử lấy quẻ ly là hợp với vị trí nước nhà lại có nghĩa chỉ một nước văn hiến như ta thường tự xưng. Như thế là lá cờ vàng vẽ ly có đủ các ý nghĩa."

Tổng-trưởng họ Trần phản đối ý kiến rằng chữ "ly" có nghĩa là chia lìa, là điềm xấu cho nên thất bại. Theo ý ông, chữ "ly" đó khác không phải là ý nghĩa của quẻ ly, và sự thất bại nếu có là do tình thế chứ không phải là lá cờ.



cờ quẻ ly

Ngô Thị Quý Linh

Trích từ:

*Lịch-sử Việt-Nam từ thuộc Pháp đến Độc Lập, 1858-1945*, Ngô Thị Quý Linh, Hoa Kỳ, 2002